

Số: 2913 / QĐ-HVN

Hà Nội, ngày 31 tháng 5 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Nghiệm thu khối lượng giờ giảng, thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền
thỉnh giảng (hoạt động giảng dạy) học kỳ I năm học 2021-2022
(Bổ sung lần 1)**

GIÁM ĐỐC HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

Căn cứ Quyết định số 441/QĐ-TTg ngày 28 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Học viện Nông nghiệp Việt Nam trên cơ sở tổ chức lại Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1026/QĐ-BNN-TCCB ngày 13 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Căn cứ Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Nông nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Nghị quyết số 5813/NQ-HĐHV ngày 22 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Học viện Nông nghiệp Việt Nam;

Xét hợp đồng thỉnh giảng ký kết giữa giảng viên thỉnh giảng và Học viện Nông nghiệp Việt Nam; theo đề nghị của Trưởng ban Tổ chức cán bộ.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nghiệm thu khối lượng giờ giảng, thanh lý hợp đồng và thanh toán tiền thỉnh giảng (hoạt động giảng dạy) học kỳ I năm học 2021-2022 (bổ sung lần 1) đối với các giảng viên thỉnh giảng theo danh sách đính kèm.

Tổng số tiền thanh toán: **144.513.250** đồng, trong đó:

1. Số tiền giảng dạy đại học, cao đẳng: **132.039.250** đồng.

2. Số tiền giảng dạy sau đại học: **12.474.000** đồng.

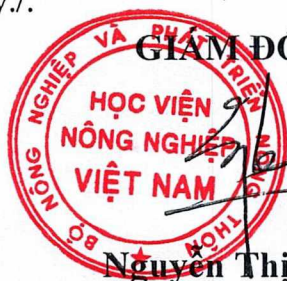
Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm mười ba ngàn hai trăm năm mươi đồng.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng Học viện, Trưởng ban Tổ chức cán bộ, Trưởng ban Tài chính và Kế toán, Trưởng các đơn vị liên quan và các giảng viên thỉnh giảng có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Lưu: VT, TC(10).



Nguyễn Thị Lan

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
HỌC VIỆN NÔNG NGHIỆP VIỆT NAM

**BẢNG TỔNG HỢP THANH TOÁN TIỀN GIẢNG DẠY (HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY) HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021-2022
ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG (BỔ SUNG LẦN 1)**

(Kèm theo Quyết định số 2913 /QĐ-HVN ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Giảng dạy ĐH, CĐ		Giảng dạy SDH		Tổng số		Đã nhận (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
				Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
1	TG251	Nông Văn	Vìn	264.9	19,867,500			264.9	19,867,500		19,867,500	
2	TG551	Nông Văn	Nam	721.6	50,512,000			721.6	50,512,000		50,512,000	
3	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	198.3	15,864,000			198.3	15,864,000		15,864,000	
4	TG593	Trần Như	Khuyên	95.0	7,600,000			95.0	7,600,000		7,600,000	
5	TG442	Ngô Thị	Thuận			36.7	4,404,000	36.7	4,404,000		4,404,000	
6	TG945	Lê Đức	Thảo			10.6	1,113,000	10.6	1,113,000		1,113,000	
7	HD162	Phạm Hồng	Hiển	35.8	2,685,000	30.4	3,192,000	66.2	5,877,000		5,877,000	
8	TG348	Nguyễn Xuân	Trương	52.1	3,647,000			52.1	3,647,000		3,647,000	
9	TG462	Phạm Đình	Minh	104.0	10,920,000			104.0	10,920,000		10,920,000	
10	TG463	Nguyễn Thùy	Dương	73.0	8,212,500			73.0	8,212,500		8,212,500	
11	TG556	Huỳnh Thị Thu	Huệ	47.5	3,562,500			47.5	3,562,500		3,562,500	

STT	Mã GV	Họ đệm Tên		Giảng dạy ĐH, CĐ		Giảng dạy SDH		Tổng số		Đã nhận (đồng)	Còn lĩnh (đồng)	Ghi chú
				Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Số tiền (đồng)			
12	TG923	Trịnh Xuân	Hoạt	57.3	6,446,250			57.3	6,446,250		6,446,250	
13	MG013	Nguyễn Văn	Dũng			10.6	1,113,000	10.6	1,113,000		1,113,000	
14	TG990	Nguyễn Quốc	Hùng			10.4	1,248,000	10.4	1,248,000		1,248,000	
15	TG590	Lê Thị Nhi	Công	36.3	2,722,500			36.3	2,722,500		2,722,500	
16	MOI77	Vũ Văn	In			15.6	1,404,000	15.6	1,404,000		1,404,000	
		Tổng cộng		1,685.8	132,039,250	114.3	12,474,000	1,800.1	144,513,250		144,513,250	

Tổng số tiền thanh toán:

144,513,250 đồng

Bằng chữ:

Một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm mười ba ngàn hai trăm năm mươi đồng.





**BẢNG CHI TIẾT THANH TOÁN TIỀN GIẢNG DẠY (HOẠT ĐỘNG GIẢNG DẠY) HỌC KỲ I NĂM HỌC 2021-2022
ĐỐI VỚI GIẢNG VIÊN THỈNH GIẢNG (BỔ SUNG LẦN 1)**

(Kèm theo Quyết định số 2913 /QĐ-HVN ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Giám đốc Học viện Nông nghiệp Việt Nam)

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Mã Chức danh	Hợp đồng thỉnh giảng		Mã loại hình	Mã lớp	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Ghi chú
					Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm					Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)			
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20
1	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	LT	K64CNCDDTA	CD03306	Truyền động thủy lực & khí nén	37.00	75,000	2,775,000				37.00	2,775,000	
2	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K64CNCDDTA	CD03306	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000	
3	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K64CNCDDTA	CD03306	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000	
4	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K64CNCDDTA	CD03306	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000	
5	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K64CNCDDTA	CD03306	Truyền động thủy lực & khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000	
6	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	GK	K64CNCDDTA	CD03306	Truyền động thủy lực & khí nén	3.30	75,000	247,500				3.30	247,500	
7	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	LT	K65CNKTOA	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	24.80	75,000	1,860,000				24.80	1,860,000	
8	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K65CNKTOA	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000	
9	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K65CNKTOA	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000	
10	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K65CNKTOA	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000	
11	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K65CNKTOA	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000	
12	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	GK	K65CNKTOA	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	4.00	75,000	300,000				4.00	300,000	
13	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	CB	K65CNKTOA	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	9.90	75,000	742,500				9.90	742,500	
14	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	LT	K65CNKTOC	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	22.00	75,000	1,650,000				22.00	1,650,000	
15	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K65CNKTOC	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000	
16	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K65CNKTOC	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000	
17	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K65CNKTOC	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000	
18	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	GK	K65CNKTOC	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	2.90	75,000	217,500				2.90	217,500	
19	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	CB	K65CNKTOC	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	7.10	75,000	532,500				7.10	532,500	
20	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TD	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	LT	K63CKNN	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	22.00	75,000	1,650,000				22.00	1,650,000	

STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Mã Chức danh	Hợp đồng thỉnh giảng		Mã loại hình	Mã lớp	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Ghi chú
					Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm					Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)			
21	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TĐ	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K63CKNN	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000	
22	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TĐ	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K63CKNN	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000	
23	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TĐ	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K63CKNN	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	8.00	75,000	600,000				8.00	600,000	
24	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TĐ	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	GK	K63CKNN	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	3.30	75,000	247,500				3.30	247,500	
25	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TĐ	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	CB	K63CKNN	CD03351	Truyền động thủy lực&khí nén	8.30	75,000	622,500				8.30	622,500	
26	TG251	Nông Văn	Vin	GVC và TĐ	69/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	CB	K64CNCDA	CD03306	Truyền động thủy lực & khí nén	8.30	75,000	622,500				8.30	622,500	
27	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	68/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K63CNKTOA	CD03363	Thực hành lái ô tô	15.00	70,000	1,050,000				15.00	1,050,000	
28	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	68/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K63CNKTOA	CD03363	Thực hành lái ô tô	15.00	70,000	1,050,000				15.00	1,050,000	
29	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	68/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K63CNKTOA	CD03363	Thực hành lái ô tô	15.00	70,000	1,050,000				15.00	1,050,000	
30	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	68/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K63CNKTOB	CD03363	Thực hành lái ô tô	15.00	70,000	1,050,000				15.00	1,050,000	
31	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	68/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K63CNKTOB	CD03363	Thực hành lái ô tô	15.00	70,000	1,050,000				15.00	1,050,000	
32	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	68/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K63CNKTOB	CD03363	Thực hành lái ô tô	15.00	70,000	1,050,000				15.00	1,050,000	
33	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	68/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K63CNKTOC	CD03363	Thực hành lái ô tô	15.00	70,000	1,050,000				15.00	1,050,000	
34	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	68/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K63CNKTOC	CD03363	Thực hành lái ô tô	15.00	70,000	1,050,000				15.00	1,050,000	
35	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	68/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K63CNKTOC	CD03363	Thực hành lái ô tô	15.00	70,000	1,050,000				15.00	1,050,000	
36	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	68/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	CB	K63CNKTOA	CD03363	Thực hành lái ô tô	2.60	70,000	182,000				2.60	182,000	
37	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	68/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	CB	K63CNKTOA	CD03363	Thực hành lái ô tô	2.50	70,000	175,000				2.50	175,000	
38	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	68/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	CB	K63CNKTOA	CD03363	Thực hành lái ô tô	1.40	70,000	98,000				1.40	98,000	
39	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	68/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	CB	K63CNKTOB	CD03363	Thực hành lái ô tô	2.50	70,000	175,000				2.50	175,000	
40	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	68/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	CB	K63CNKTOB	CD03363	Thực hành lái ô tô	2.50	70,000	175,000				2.50	175,000	
41	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	68/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	CB	K63CNKTOB	CD03363	Thực hành lái ô tô	1.80	70,000	126,000				1.80	126,000	
42	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	68/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	CB	K63CNKTOC	CD03363	Thực hành lái ô tô	2.50	70,000	175,000				2.50	175,000	
43	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	68/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	CB	K63CNKTOC	CD03363	Thực hành lái ô tô	1.30	70,000	91,000				1.30	91,000	
44	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	68/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	CB	K63CNKTOC	CD03363	Thực hành lái ô tô	2.50	70,000	175,000				2.50	175,000	
45	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	68/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	GT	K63CNOTO	CD03365	Thực tập kỹ thuật ô tô 1	284.40	70,000	19,908,000				284.40	19,908,000	



STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Mã Chức danh	Hợp đồng thỉnh giảng		Mã loại hình	Mã lớp	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Ghi chú
					Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm					Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)			
46	TG551	Nông Văn	Nam	GV và TĐ	68/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	GT	K63CNOTO	CD03366	Thực tập kỹ thuật ô tô 2	282.60	70,000	19,782,000				282.60	19,782,000	
47	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	67/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	LT	K63CKDL	CD03316	Ô tô máy kéo & xe chuyên dụng 2	30.00	80,000	2,400,000				30.00	2,400,000	
48	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	67/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	TH	K63CKDL	CD03316	Ô tô máy kéo & xe chuyên dụng 2	15.00	80,000	1,200,000				15.00	1,200,000	
49	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	67/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	GK	K63CKDL	CD03316	Ô tô máy kéo & xe chuyên dụng 2	0.70	80,000	56,000				0.70	56,000	
50	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	67/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	CB	K63CKDL	CD03316	Ô tô máy kéo & xe chuyên dụng 2	1.60	80,000	128,000				1.60	128,000	
51	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	67/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	LT	K63CNKTOB	CD03338	KT vận hành khai thác ô tô	30.00	80,000	2,400,000				30.00	2,400,000	
52	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	67/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	GK	K63CNKTOB	CD03338	KT vận hành khai thác ô tô	2.10	80,000	168,000				2.10	168,000	
53	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	67/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	CB	K63CNKTOB	CD03338	KT vận hành khai thác ô tô	5.10	80,000	408,000				5.10	408,000	
54	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	67/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	LT	K64CNOTOA	CD03356	Hệ thống điện ô tô	45.00	80,000	3,600,000				45.00	3,600,000	
55	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	67/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	GK	K64CNOTOA	CD03356	Hệ thống điện ô tô	3.40	80,000	272,000				3.40	272,000	
56	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	67/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	CB	K64CNOTOA	CD03356	Hệ thống điện ô tô	8.50	80,000	680,000				8.50	680,000	
57	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	67/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	LT	K64CNOTOB	CD03356	Hệ thống điện ô tô	45.00	80,000	3,600,000				45.00	3,600,000	
58	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	67/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	GK	K64CNOTOB	CD03356	Hệ thống điện ô tô	3.40	80,000	272,000				3.40	272,000	
59	TG561	Nguyễn Ngọc	Quế	GVCC và TĐ	67/HĐTĐ-HVN-ĐL	11/06/2021	CB	K64CNOTOB	CD03356	Hệ thống điện ô tô	8.50	80,000	680,000				8.50	680,000	
60	TG593	Trần Như	Khuyên	GVCC và TĐ	70/HĐTĐ-HVN-TBBQ&CBNS	11/06/2021	LT	K63CKTP	CD03403	Máy nâng chuyển	22.00	80,000	1,760,000				22.00	1,760,000	
61	TG593	Trần Như	Khuyên	GVCC và TĐ	70/HĐTĐ-HVN-TBBQ&CBNS	11/06/2021	LT	K63CKTP	CD03410	Kỹ thuật chế biến NS - TP	30.00	80,000	2,400,000				30.00	2,400,000	
62	TG593	Trần Như	Khuyên	GVCC và TĐ	70/HĐTĐ-HVN-TBBQ&CBNS	11/06/2021	GK	K63CKTP	CD03403	Máy nâng chuyển	0.30	80,000	24,000				0.30	24,000	
63	TG593	Trần Như	Khuyên	GVCC và TĐ	70/HĐTĐ-HVN-TBBQ&CBNS	11/06/2021	GK	K63CKTP	CD03410	Kỹ thuật chế biến NS - TP	0.30	80,000	24,000				0.30	24,000	
64	TG593	Trần Như	Khuyên	GVCC và TĐ	70/HĐTĐ-HVN-TBBQ&CBNS	11/06/2021	CB	K63CKTP	CD03403	Máy nâng chuyển	0.80	80,000	64,000				0.80	64,000	
65	TG593	Trần Như	Khuyên	GVCC và TĐ	70/HĐTĐ-HVN-TBBQ&CBNS	11/06/2021	CB	K63CKTP	CD03410	Kỹ thuật chế biến NS - TP	0.80	80,000	64,000				0.80	64,000	
66	TG593	Trần Như	Khuyên	GVCC và TĐ	70/HĐTĐ-HVN-TBBQ&CBNS	11/06/2021	LT	K62CKTBTP	PCD03018	Đa Công nghệ chế biến thực phẩm	15.00	80,000	1,200,000				15.00	1,200,000	
67	TG593	Trần Như	Khuyên	GVCC và TĐ	70/HĐTĐ-HVN-TBBQ&CBNS	11/06/2021	LT	K62CKTBTP	PCD03027	Tận dụng phế liệu c.nghiệp TP	22.00	80,000	1,760,000				22.00	1,760,000	
68	TG593	Trần Như	Khuyên	GVCC và TĐ	70/HĐTĐ-HVN-TBBQ&CBNS	11/06/2021	GK	K62CKTBTP	PCD03027	Tận dụng phế liệu c.nghiệp TP	0.40	80,000	32,000				0.40	32,000	
69	TG593	Trần Như	Khuyên	GVCC và TĐ	70/HĐTĐ-HVN-TBBQ&CBNS	11/06/2021	CB	K62CKTBTP	PCD03018	Đa Công nghệ chế biến thực phẩm	2.50	80,000	200,000				2.50	200,000	
70	TG593	Trần Như	Khuyên	GVCC và TĐ	70/HĐTĐ-HVN-TBBQ&CBNS	11/06/2021	CB	K62CKTBTP	PCD03027	Tận dụng phế liệu c.nghiệp TP	0.90	80,000	72,000				0.90	72,000	



STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Mã Chức danh	Hợp đồng thỉnh giảng		Mã loại hình	Mã lớp	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Ghi chú
					Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm					Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)			
71	TG442	Ngô Thị	Thuận	GVCC và TĐ	61/HĐTĐ-HVN-KTPTNT	09/08/2021	LTCH	CH30QLKTE	KT07091	Phát triển chuỗi giá trị				30.00	120,000	3,600,000	30.00	3,600,000	
72	TG442	Ngô Thị	Thuận	GVCC và TĐ	61/HĐTĐ-HVN-KTPTNT	09/08/2021	GKCH	CH30QLKTE	KT07091	Phát triển chuỗi giá trị				1.90	120,000	228,000	1.90	228,000	
73	TG442	Ngô Thị	Thuận	GVCC và TĐ	61/HĐTĐ-HVN-KTPTNT	09/08/2021	CBCH	CH30QLKTE	KT07091	Phát triển chuỗi giá trị				4.80	120,000	576,000	4.80	576,000	
74	TG923	Trịnh Xuân	Hoạt	GVC và TĐ	96/HĐTĐ-HVN-CNV	13/08/2021	LT	K65CNSHE	SHE01002	Vi sinh vật đại cương	44.00	112,500	4,950,000				44.00	4,950,000	
75	TG923	Trịnh Xuân	Hoạt	GVC và TĐ	96/HĐTĐ-HVN-CNV	13/08/2021	GK	K65CNSHE	SHE01002	Vi sinh vật đại cương	3.80	112,500	427,500				3.80	427,500	
76	TG923	Trịnh Xuân	Hoạt	GVC và TĐ	96/HĐTĐ-HVN-CNV	13/08/2021	CB	K65CNSHE	SHE01002	Vi sinh vật đại cương	9.50	112,500	1,068,750				9.50	1,068,750	
77	MG013	Nguyễn Văn	Dũng	GVC và TĐ	57/HĐTĐ-HVN-RHQ&CQ	24/09/2021	LTCH	CH30KHCTV	NH07054	Cây ăn quả nâng cao				10.00	105,000	1,050,000	10.00	1,050,000	
78	MG013	Nguyễn Văn	Dũng	GVC và TĐ	57/HĐTĐ-HVN-RHQ&CQ	24/09/2021	GKCH	CH30KHCTV	NH07054	Cây ăn quả nâng cao				0.20	105,000	21,000	0.20	21,000	
79	MG013	Nguyễn Văn	Dũng	GVC và TĐ	57/HĐTĐ-HVN-RHQ&CQ	24/09/2021	CBCH	CH30KHCTV	NH07054	Cây ăn quả nâng cao				0.40	105,000	42,000	0.40	42,000	
80	TG945	Lê Đức	Thảo	GVC và TĐ	44/HĐTĐ-HVN-RHQ&CQ	16/08/2021	LTCH	CH30KHCTB	NH07055	Sản xuất hoa thương mại				10.00	105,000	1,050,000	10.00	1,050,000	
81	TG945	Lê Đức	Thảo	GVC và TĐ	44/HĐTĐ-HVN-RHQ&CQ	16/08/2021	GKCH	CH30KHCTB	NH07055	Sản xuất hoa thương mại				0.20	105,000	21,000	0.20	21,000	
82	TG945	Lê Đức	Thảo	GVC và TĐ	44/HĐTĐ-HVN-RHQ&CQ	16/08/2021	CBCH	CH30KHCTB	NH07055	Sản xuất hoa thương mại				0.40	105,000	42,000	0.40	42,000	
83	TG990	Nguyễn Quốc	Hùng	GVCC và TĐ	58/HĐTĐ-HVN-RHQ&CQ	24/09/2021	LTCH	CH30KHCTV	NH07054	Cây ăn quả nâng cao				10.00	120,000	1,200,000	10.00	1,200,000	
84	TG990	Nguyễn Quốc	Hùng	GVCC và TĐ	58/HĐTĐ-HVN-RHQ&CQ	24/09/2021	GKCH	CH30KHCTV	NH07054	Cây ăn quả nâng cao				0.10	120,000	12,000	0.10	12,000	
85	TG990	Nguyễn Quốc	Hùng	GVCC và TĐ	58/HĐTĐ-HVN-RHQ&CQ	24/09/2021	CBCH	CH30KHCTV	NH07054	Cây ăn quả nâng cao				0.30	120,000	36,000	0.30	36,000	
86	HD162	Phạm Hồng	Hiển	GVC và TĐ	76/HĐTĐ-HVN-SH	30/07/2021	LT	K63CNSHA	SH03054	An toàn sinh học	30.00	75,000	2,250,000				30.00	2,250,000	
87	HD162	Phạm Hồng	Hiển	GVC và TĐ	76/HĐTĐ-HVN-SH	30/07/2021	GK	K63CNSHA	SH03054	An toàn sinh học	1.70	75,000	127,500				1.70	127,500	
88	HD162	Phạm Hồng	Hiển	GVC và TĐ	76/HĐTĐ-HVN-SH	30/07/2021	CB	K63CNSHA	SH03054	An toàn sinh học	4.10	75,000	307,500				4.10	307,500	
89	HD162	Phạm Hồng	Hiển	GVC và TĐ	104/HĐTĐ-HVN-CNV	08/09/2021	LTCH	CH29CNSHV	SH07018	Công nghệ sinh học nấm men				30.00	105,000	3,150,000	30.00	3,150,000	
90	HD162	Phạm Hồng	Hiển	GVC và TĐ	104/HĐTĐ-HVN-CNV	08/09/2021	GKCH	CH29CNSHV	SH07018	Công nghệ sinh học nấm men				0.10	105,000	10,500	0.10	10,500	
91	HD162	Phạm Hồng	Hiển	GVC và TĐ	104/HĐTĐ-HVN-CNV	08/09/2021	CBCH	CH29CNSHV	SH07018	Công nghệ sinh học nấm men				0.30	105,000	31,500	0.30	31,500	
92	TG348	Nguyễn Xuân	Trường	GV và TĐ	74/HĐTĐ-HVN-SH	30/07/2021	LT	K63CNSHP	PSH03019	Nông nghiệp công nghệ cao	20.00	70,000	1,400,000				20.00	1,400,000	
93	TG348	Nguyễn Xuân	Trường	GV và TĐ	74/HĐTĐ-HVN-SH	30/07/2021	LT	K63CNSHA	SH03058	Nông nghiệp công nghệ cao	17.10	70,000	1,197,000				17.10	1,197,000	
94	TG348	Nguyễn Xuân	Trường	GV và TĐ	74/HĐTĐ-HVN-SH	30/07/2021	LT	K63CNSHC	SH03058	Nông nghiệp công nghệ cao	15.00	70,000	1,050,000				15.00	1,050,000	
95	TG462	Phạm Đình	Minh	GV và TĐ	93/HĐTĐ-HVN-CNV	16/08/2021	LT	K63CNSHE	SHE03010	Công nghệ protein-enzyme	90.00	105,000	9,450,000				90.00	9,450,000	



STT	Mã GV	Họ đệm	Tên	Mã Chức danh	Hợp đồng thỉnh giảng		Mã loại hình	Mã lớp	Mã học phần	Tên học phần	Giờ đại học/cao đẳng			Giờ sau đại học			Tổng số giờ (giờ)	Tổng số tiền (đồng)	Ghi chú
					Số, ký hiệu	Ngày, tháng, năm					Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	Số giờ (giờ)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)			
96	TG462	Phạm Đình	Minh	GV và TĐ	93/HĐTĐG-HVN-CNV	16/08/2021	GK	K63CNSHE	SHE03010	Công nghệ protein-enzyme	4.00	105,000	420,000				4.00	420,000	
97	TG462	Phạm Đình	Minh	GV và TĐ	93/HĐTĐG-HVN-CNV	16/08/2021	CB	K63CNSHE	SHE03010	Công nghệ protein-enzyme	10.00	105,000	1,050,000				10.00	1,050,000	
98	TG463	Nguyễn Thủy	Dương	GVC và TĐ	94/HĐTĐG-HVN-CNV	13/08/2021	LT	K64CNSHE	SHE02010	Miễn dịch học	60.00	112,500	6,750,000				60.00	6,750,000	
99	TG463	Nguyễn Thủy	Dương	GVC và TĐ	94/HĐTĐG-HVN-CNV	13/08/2021	GK	K64CNSHE	SHE02010	Miễn dịch học	3.70	112,500	416,250				3.70	416,250	
100	TG463	Nguyễn Thủy	Dương	GVC và TĐ	94/HĐTĐG-HVN-CNV	13/08/2021	CB	K64CNSHE	SHE02010	Miễn dịch học	9.30	112,500	1,046,250				9.30	1,046,250	
101	TG556	Huỳnh Thị Thu	Huệ	GVC và TĐ	95/HĐTĐG-HVN-CNV	08/09/2021	LT	K64CNSHP	PSH02010	Công nghệ protein – enzym	45.00	75,000	3,375,000				45.00	3,375,000	
102	TG556	Huỳnh Thị Thu	Huệ	GVC và TĐ	95/HĐTĐG-HVN-CNV	08/09/2021	GK	K64CNSHP	PSH02010	Công nghệ protein – enzym	0.70	75,000	52,500				0.70	52,500	
103	TG556	Huỳnh Thị Thu	Huệ	GVC và TĐ	95/HĐTĐG-HVN-CNV	08/09/2021	CB	K64CNSHP	PSH02010	Công nghệ protein – enzym	1.80	75,000	135,000				1.80	135,000	
104	TG590	Lê Thị Nhi	Công	GVC và TĐ	97/HĐTĐG-HVN-CNV	08/09/2021	LT	K66CNSDA	SH01101	Vi sinh vật dược	30.00	75,000	2,250,000				30.00	2,250,000	
105	TG590	Lê Thị Nhi	Công	GVC và TĐ	97/HĐTĐG-HVN-CNV	08/09/2021	GK	K66CNSDA	SH01101	Vi sinh vật dược	1.80	75,000	135,000				1.80	135,000	
106	TG590	Lê Thị Nhi	Công	GVC và TĐ	97/HĐTĐG-HVN-CNV	08/09/2021	CB	K66CNSDA	SH01101	Vi sinh vật dược	4.50	75,000	337,500				4.50	337,500	
107	MOI77	Vũ Văn	In	GV và TĐ	107/HĐTĐG-HVN-TS	15/07/2021	LTCH	CH30NTTSB	TS07045	CN sx giống và nuôi giáp xác				15.00	90,000	1,350,000	15.00	1,350,000	
108	MOI77	Vũ Văn	In	GV và TĐ	107/HĐTĐG-HVN-TS	15/07/2021	GKCH	CH30NTTSB	TS07045	CN sx giống và nuôi giáp xác				0.20	90,000	18,000	0.20	18,000	
109	MOI77	Vũ Văn	In	GV và TĐ	107/HĐTĐG-HVN-TS	15/07/2021	CBCH	CH30NTTSB	TS07045	CN sx giống và nuôi giáp xác				0.40	90,000	36,000	0.40	36,000	
		Tổng cộng									1,685.90		132,039,250	114.30		12,474,000	1,800.10	144,513,250	

Tổng số tiền thanh toán:144,513,250 đồng

Bằng chữ: Một trăm bốn mươi bốn triệu năm trăm mười ba ngàn hai trăm năm mươi đồng./.

